

Số: ~~13~~8/2026/TT-BTCHà Nội, ngày ~~25~~ tháng 9 năm 2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 200/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung quy định tại khoản 4 Điều 14, khoản 4 và khoản 8 Điều 20, khoản 10 Điều 21, khoản 1 Điều 29, các khoản 2, 3 và 4 Điều 31, khoản 1 Điều 32, khoản 4 Điều 33, khoản 1 Điều 35, khoản 6 Điều 37, khoản 6 Điều 39, các khoản 1, 2 và 3 Điều 40, khoản 2 và khoản 3 Điều 41, khoản 1 Điều 43, khoản 1 Điều 44 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.
2. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu; tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu; đại diện người sở hữu trái phiếu; tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu; thành viên lưu ký, thành viên giao dịch; tổ chức mở tài khoản trực tiếp ngoại trừ tổ chức mở tài khoản trực tiếp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 165 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
3. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
4. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.
6. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ* là hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, công nghệ do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngân hàng thanh toán tổ chức với sự tham gia của các bên liên quan phục vụ cho hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.
2. *Thanh toán tức thời theo từng giao dịch* là phương thức thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được thực hiện trên cơ sở từng giao dịch ngay khi bên mua có đủ tiền và bên bán có đủ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên tài khoản lưu ký chứng khoán.
3. *Giá thực hiện* là giá tính trên một trái phiếu dùng để xác định số tiền thanh toán của giao dịch.
4. *Giao dịch mua bán thông thường* là giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong đó một bên bán chuyển giao quyền sở hữu trái phiếu cho một bên mua và không kèm theo cam kết mua lại trái phiếu.

Chương II

ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, THỰC HIỆN QUYỀN, CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU, THANH TOÁN GIAO DỊCH VÀ TỔ CHỨC THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CHÀO BÁN RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Mục 1

ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ, THỰC HIỆN QUYỀN, CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU

Điều 4. Đăng ký, hủy đăng ký và quản lý thông tin trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Doanh nghiệp phát hành đăng ký các thông tin về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và hướng dẫn tại quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Khi có thay đổi về thông tin doanh nghiệp phát hành đã đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thay đổi và không chậm hơn 05 ngày làm việc trước ngày trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành phải thực hiện điều chỉnh thông tin với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thay đổi điều kiện, điều khoản trái phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 5, khoản 5 và khoản 6 Điều 50 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP dẫn đến giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, doanh nghiệp phát hành phải thực hiện điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký trước hoặc đồng thời với việc thay đổi thông tin điều kiện, điều khoản trái phiếu với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký trong trường hợp doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn một phần, hoán đổi một phần, chuyển đổi một phần hoặc trong trường hợp doanh nghiệp phát hành thay đổi kỳ hạn của trái phiếu nhưng có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận dẫn đến doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu này theo phương án phát hành đã công bố theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 50 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, đồng thời gửi thông báo về việc điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện điều chỉnh thông tin có liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do sai sót trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp phát hành sai sót trong việc cập nhật thông tin chuyển nhượng vào Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu đã đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với các giao dịch đã được chuyển nhượng trước thời điểm chốt danh sách người sở hữu để thực hiện đăng ký trái phiếu và đã được xác nhận chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

b) Doanh nghiệp phát hành nhập nhầm thông tin số lượng trái phiếu của người sở hữu trong quá trình lập Sổ đăng ký người sở hữu trái phiếu;

c) Doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký có sai sót trong quá trình cập nhật thông tin nhận diện người sở hữu trái phiếu với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Doanh nghiệp phát hành phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin cung cấp theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

7. Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

8. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hủy đăng ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong các trường hợp sau:

a) Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi toàn bộ trái phiếu;

b) Doanh nghiệp phát hành bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

c) Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam phát hiện doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký trái phiếu;

d) Theo đề nghị của Sở Giao dịch Chứng khoán trong trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán phát hiện doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu;

đ) Doanh nghiệp phát hành chấm dứt sự tồn tại do giải thể hoặc phá sản hoặc thực hiện chia doanh nghiệp;

e) Trái phiếu bị hủy bỏ theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Khi hủy đăng ký trái phiếu, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ chấm dứt ghi nhận thông tin về trái phiếu đã đăng ký theo khoản 1 Điều này tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Việc hủy đăng ký trái phiếu, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam không làm thay đổi quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, quản lý thông tin về trái phiếu và tiếp tục thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu (nếu có) theo quy định của pháp luật sau khi trái phiếu bị hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (bao gồm cả trái phiếu đã bị phong tỏa theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo thông báo của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại thời điểm hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký).

10. Việc đăng ký, hủy đăng ký, quản lý thông tin trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, Thông tư này và các quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 5. Cấp mã trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

Hoạt động cấp mã trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và Quy chế về hoạt động cấp mã chứng khoán trong nước và mã số định danh chứng khoán quốc tế tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 6. Lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Hoạt động lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm: mở và quản lý tài khoản lưu ký chứng khoán, ký gửi trái phiếu, rút trái phiếu, chuyển khoản trái phiếu lưu ký ngoài hệ thống giao dịch trái phiếu, phong tỏa và giải tỏa trái phiếu.

2. Hoạt động lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư này và quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Trường hợp nhà đầu tư đã có tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký, nhà đầu tư đăng ký thông tin với thành viên lưu ký để sử dụng tài khoản này lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

3. Trường hợp nhà đầu tư giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, thành viên lưu ký phải đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư tham gia giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và thông tin bổ sung theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thành viên lưu ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin khi đăng ký tài khoản lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam được quyền từ chối đăng ký thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán trong trường hợp thành viên lưu ký cung cấp thông tin về nhà đầu tư không đầy đủ, không chính xác. Hàng ngày, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập và gửi danh sách tài khoản nhà đầu tư, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoàn tất việc đăng ký, hủy đăng ký thông tin tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để nhà đầu tư, tổ chức mở tài khoản trực tiếp được thực hiện giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ vào ngày giao dịch liền kề.

Điều 7. Thực hiện quyền của người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện quyền của người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp phát hành sau khi kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của hồ sơ đề nghị thực hiện quyền, đồng thời chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho người sở hữu trái phiếu theo quy định pháp luật trong trường hợp đề nghị

thực hiện quyền gửi đến Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam không kịp thời, không đầy đủ hoặc không chính xác.

2. Các trường hợp thực hiện quyền đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bao gồm:

- a) Lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu;
- b) Thanh toán lãi, gốc trái phiếu;
- c) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi;
- d) Hoán đổi trái phiếu;
- đ) Mua lại trái phiếu trước hạn;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp phát hành, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký chịu trách nhiệm thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu đã đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của Thông tư này, quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và quy định pháp luật có liên quan. Doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu chưa lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp không tuân thủ các quy định này, doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp thanh toán lãi, gốc trái phiếu, doanh nghiệp phát hành tuân thủ theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, Thông tư này và quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoặc thanh toán lãi, gốc trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP hoặc thanh toán lãi, gốc trái phiếu đến hạn theo thỏa thuận với người sở hữu trái phiếu dẫn đến đợt thanh toán lãi, gốc trái phiếu bằng tiền không thể thực hiện được đồng thời cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu theo đúng thông tin về điều kiện, điều khoản trái phiếu đã đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trước đó, doanh nghiệp phát hành tự thực hiện đợt thanh toán đó cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán cho người sở hữu trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

6. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thanh toán lãi, gốc trái phiếu bằng chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán được thực hiện theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Điều 8. Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với các trường hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với các giao dịch không mang tính chất mua bán hoặc không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ như sau:

a) Tặng cho, thừa kế chứng khoán theo quy định của Bộ luật Dân sự; phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

b) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể doanh nghiệp; tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập; chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Chuyển quyền sở hữu theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án;

d) Chuyển quyền sở hữu do xử lý tài sản bảo đảm là trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để xử lý trường hợp mất khả năng thanh toán giao dịch chứng khoán;

đ) Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khi thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể quỹ đầu tư chứng khoán; thành lập, tăng vốn điều lệ công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ; tăng, giảm vốn điều lệ quỹ thành viên; chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khi quỹ trả bằng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong hoạt động mua bán lại của quỹ mở;

e) Nhà đầu tư ủy thác chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của mình sang công ty quản lý quỹ trong trường hợp công ty quản lý quỹ nhận quản lý danh mục đầu tư ủy thác bằng tài sản; công ty quản lý quỹ chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được ủy thác sang nhà đầu tư ủy thác trong trường hợp có thay đổi điều khoản tương ứng trong hợp đồng ủy thác đầu tư; công ty quản lý quỹ chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được ủy thác sang nhà đầu tư ủy thác đảm bảo đúng đối tượng nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định pháp luật hoặc chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sang công ty quản lý quỹ khác trong trường hợp chấm dứt hợp đồng quản lý danh mục đầu tư; công ty quản lý quỹ giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động hoàn trả nhà đầu tư ủy thác tài sản hoặc chuyển danh mục tài sản sang công ty quản lý quỹ khác quản lý; chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giữa các công ty quản lý quỹ quản lý tài sản của cùng một nhà đầu tư ủy thác theo yêu cầu của nhà đầu tư đó;

g) Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phát sinh khi doanh nghiệp phát hành thực hiện theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 22 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP;

h) Chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ là giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

i) Các trường hợp chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khác, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xem xét, thực hiện trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Bên chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phải thực hiện lưu ký trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trước khi thực hiện chuyển quyền sở hữu, ngoại trừ các trường hợp sau:

a) Bên chuyển quyền sở hữu bị mất tích, chết;

b) Chuyển quyền sở hữu theo bản án, quyết định của tòa án, quyết định của trọng tài hoặc văn bản yêu cầu của cơ quan thi hành án;

c) Bên chuyển quyền sở hữu không còn tồn tại do đã hoàn tất các thủ tục chia, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể, chấm dứt hoạt động;

d) Các trường hợp khác Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xem xét, thực hiện trên cơ sở ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Trường hợp trái phiếu đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký chịu trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, đảm bảo nhà đầu tư thuộc đúng đối tượng theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP trước khi gửi yêu cầu chuyển quyền sở hữu lên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu không qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

5. Khi thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu, các bên liên quan phải tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 129 Luật Doanh nghiệp, điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán, khoản 6 Điều 20 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, các quy định pháp luật có liên quan và quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Mục 2

TỔ CHỨC GIAO DỊCH

Điều 9. Đăng ký giao dịch, hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Trường hợp thay đổi thông tin về doanh nghiệp phát hành do doanh nghiệp hình thành sau hợp nhất, sáp nhập, thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phát hành phải gửi yêu cầu điều chỉnh thông tin tới Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới theo hướng dẫn tại Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Trường hợp thay đổi thông tin về điều kiện, điều khoản của trái phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 5, khoản 5 và khoản 6 Điều 50 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, doanh nghiệp phát hành phải gửi yêu cầu điều chỉnh thông tin tới Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu theo hướng dẫn tại Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam. Riêng trường hợp thay đổi thông tin về kỳ hạn trái phiếu, doanh nghiệp phải gửi yêu cầu điều chỉnh thông tin tới Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội muộn nhất 05 ngày làm việc trước ngày đáo hạn trái phiếu theo phương án phát hành ban đầu đã công bố cho nhà đầu tư. Trường hợp không tuân thủ các quy định này, doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm về các thiệt hại gây ra cho người sở hữu trái phiếu theo quy định pháp luật.

3. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra thông báo về việc hủy bỏ đăng ký giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định được căn cứ thực hiện hủy bỏ đăng ký giao dịch, đồng thời gửi thông báo cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và thực hiện hủy bỏ đăng ký giao dịch trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra thông báo đối với các trường hợp quy định khoản 6 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP (ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này), cụ thể như sau:

a) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch do trái phiếu đến thời gian đáo hạn, ngày hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu được xác định là ngày làm việc tiếp theo ngày đăng ký cuối cùng tại thông báo ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu trái phiếu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội không nhận được thông báo ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu trái phiếu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, ngày hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu là ngày đáo hạn của trái phiếu;

b) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch do doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi toàn bộ trái phiếu, việc hủy bỏ đăng ký giao dịch căn cứ vào nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn, kết quả thực hiện chuyển đổi trái phiếu, kết quả hoán đổi trái phiếu theo quy định tại Điều 24 Thông tư này;

c) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, việc hủy bỏ đăng ký giao dịch căn cứ vào nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Thông tư này hoặc căn cứ vào văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thu hồi Giấy

phép thành lập và hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương;

d) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 6 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, việc hủy bỏ đăng ký giao dịch thực hiện khi Sở Giao dịch Chứng khoán phát hiện doanh nghiệp giả mạo hồ sơ, hoặc nhận được văn bản đề nghị của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký trái phiếu;

đ) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, việc hủy bỏ đăng ký giao dịch căn cứ vào nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Thông tư này về việc thực hiện chia, tách doanh nghiệp hoặc chấm dứt sự tồn tại do giải thể, phá sản và đề nghị của doanh nghiệp phát hành về việc hủy đăng ký giao dịch;

e) Trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch theo quy định tại điểm e khoản 6 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, việc hủy bỏ đăng ký giao dịch được thực hiện sau khi Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nhận được bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký giao dịch sau khi doanh nghiệp phát hành hoàn tất việc điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này trong trường hợp doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn một phần, hoán đổi một phần, chuyển đổi một phần trái phiếu hoặc doanh nghiệp phát hành thay đổi kỳ hạn của trái phiếu nhưng có trường hợp người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi kỳ hạn trái phiếu dẫn đến doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu này theo phương án phát hành đã công bố theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 50 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

5. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ hướng dẫn hoạt động đăng ký giao dịch, hủy bỏ đăng ký giao dịch và điều chỉnh số lượng đăng ký giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Điều 10. Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Thành viên giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bao gồm thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam. Việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phải được thực hiện thông qua thành viên giao dịch theo khoản 9 Điều 21 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam chịu trách nhiệm:

a) Tuân thủ đúng quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP trước khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

b) Đảm bảo cho chính mình và khách hàng của mình (trường hợp là thành viên giao dịch) có đủ tiền và trái phiếu trước khi thực hiện giao dịch, đồng thời kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của các lệnh giao dịch theo quy định của pháp luật;

c) Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ của thông tin giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

d) Lưu trữ, bảo mật tài khoản và hồ sơ giao dịch của khách hàng theo quy định của pháp luật;

đ) Cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản của mình và tài khoản của khách hàng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

e) Thực hiện báo cáo định kỳ theo tháng, quý, bán niên, năm cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Quy chế thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam.

Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phải báo cáo bất thường bằng văn bản cho Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong vòng 24 giờ kể từ khi thành viên phát hiện giao dịch là một trong các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán và các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp cần thiết, để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có thể yêu cầu thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ báo cáo các thông tin liên quan đến hoạt động giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Thành viên giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, chính xác và kịp thời đúng nội dung, thời hạn và hình thức theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 11. Tổ chức giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, đảm bảo nhà đầu tư thuộc đúng đối tượng mua, giao dịch, chuyển nhượng theo khoản 1 Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP trước khi thành viên giao dịch nhập lệnh vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại thành viên giao dịch để thực hiện giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Trước khi mua trái phiếu, nhà đầu tư chuyên nghiệp là cá nhân phải ký văn bản xác nhận theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

3. Trường hợp nhà đầu tư đã có tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở mở tại thành viên giao dịch, nhà đầu tư được phép sử dụng tài khoản giao dịch chứng khoán này để thực hiện giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Trường hợp

nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại ngân hàng lưu ký và mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại công ty chứng khoán, nhà đầu tư được đặt lệnh mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và công ty chứng khoán được thực hiện lệnh mua trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ khi có xác nhận của ngân hàng lưu ký về việc ngân hàng lưu ký chấp nhận yêu cầu thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của nhà đầu tư.

4. Thành viên giao dịch phải thống nhất và công khai hình thức tiếp nhận, xử lý giao dịch của khách hàng tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch. Kết quả thực hiện giao dịch phải được thông báo cho khách hàng ngay sau khi giao dịch được thực hiện theo đúng hình thức đã thỏa thuận với khách hàng. Thành viên giao dịch phải gửi sao kê tài khoản tiền và trái phiếu hàng tháng hoặc khi có yêu cầu từ khách hàng.

5. Thành viên giao dịch phải ưu tiên thực hiện lệnh giao dịch cho khách hàng trước lệnh tự doanh của thành viên giao dịch với mức giá thực hiện tốt nhất có thể. Mức giá thực hiện tốt nhất có thể là mức giá theo yêu cầu của khách hàng hoặc tốt hơn mức giá theo yêu cầu của khách hàng.

6. Sau khi giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được xác lập và hoàn tất, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm cung cấp thông tin về kết quả giao dịch cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để thực hiện hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Điều 12. Giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Loại hình giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ là giao dịch mua bán thông thường.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội áp dụng phương thức giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Phương thức giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được thực hiện theo nguyên tắc các bên tham gia giao dịch tự thỏa thuận, thống nhất các nội dung giao dịch. Giao dịch theo phương thức thỏa thuận được xác lập khi bên mua hoặc bên bán nhập lệnh giao dịch vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và bên đối ứng xác nhận lệnh giao dịch này.

3. Phương thức giao dịch thỏa thuận bao gồm:

a) Thỏa thuận điện tử là hình thức giao dịch trong đó thành viên giao dịch nhập lệnh chào mua, chào bán với cam kết chắc chắn vào hệ thống hoặc lựa chọn các lệnh đối ứng phù hợp đã được nhập vào hệ thống để thực hiện giao dịch;

b) Thỏa thuận thông thường là hình thức giao dịch trong đó bên mua và bên bán tự thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch từ trước và báo cáo kết quả vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để xác lập giao dịch.

4. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế nghiệp vụ để triển khai công tác giám sát giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

Điều 13. Công khai thông tin về hoạt động giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm công khai những thông tin sau đây về giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ:

a) Thông tin về giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, bao gồm thông tin các mã trái phiếu doanh nghiệp đăng ký giao dịch, thông tin về tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường, tổng giá trị giao dịch toàn thị trường;

b) Thông tin về đăng ký giao dịch, thay đổi thông tin đăng ký giao dịch, hủy bỏ đăng ký giao dịch, điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký giao dịch theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm công khai thông tin về thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Mục 3

THANH TOÁN GIAO DỊCH

Điều 14. Các tổ chức tham gia hệ thống thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Các tổ chức thực hiện thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên hệ thống tài khoản lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bao gồm:

a) Thành viên lưu ký thực hiện thanh toán đối với giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của chính mình và cho khách hàng của thành viên lưu ký;

b) Tổ chức mở tài khoản trực tiếp thực hiện thanh toán đối với giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của chính mình.

2. Ngân hàng thanh toán thực hiện thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ là ngân hàng thương mại được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước lựa chọn theo quy định tại Điều 69 Luật Chứng khoán, Điều 167 và Điều 168 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

3. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp tham gia vào hệ thống thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phải đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam về kết nối hệ thống, quy trình nghiệp vụ để thực hiện chức năng thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

4. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải kết nối hệ thống, đảm bảo thực hiện theo quy trình nộp, rút, chuyển khoản, so khớp số dư tiền thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của ngân hàng thanh toán để thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

5. Ngân hàng thanh toán chịu trách nhiệm bồi thường cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp các chi phí và thiệt hại phát sinh trong trường hợp không thực hiện hoạt động thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo đúng quy định do lỗi của ngân hàng thanh toán.

6. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp gửi báo cáo hoạt động lưu ký, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 15. Thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Thành viên lưu ký phải mở các tài khoản tiền gửi đứng tên thành viên lưu ký tại ngân hàng thanh toán để thực hiện thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho các giao dịch tự doanh, môi giới trong nước và môi giới nước ngoài. Tổ chức mở tài khoản trực tiếp mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thanh toán để thực hiện thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của chính mình. Ngân hàng thanh toán có trách nhiệm quản lý thông tin chi tiết số dư tiền gửi thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký theo thông tin do thành viên lưu ký cung cấp để đảm bảo thanh toán đúng giao dịch của nhà đầu tư đó.

2. Trường hợp khách hàng mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại thành viên lưu ký không phải là thành viên giao dịch, việc đặt lệnh giao dịch được thực hiện qua thành viên giao dịch và việc thanh toán giao dịch được thực hiện qua thành viên lưu ký.

3. Căn cứ vào kết quả giao dịch do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cung cấp theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Thông tư này, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đối chiếu, gửi thông báo kết quả giao dịch và nghĩa vụ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp theo quy định tại Điều 16 Thông tư này. Trên cơ sở xác nhận của thành viên lưu ký và tổ chức mở tài khoản trực tiếp, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định nghĩa vụ thanh toán tiền, trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và gửi thông tin nghĩa vụ thanh toán cho các bên liên quan và ngân hàng thanh toán.

4. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo phương thức thanh toán tức thời theo từng giao dịch với thời gian thanh toán trong cùng ngày giao dịch, không áp dụng cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.

5. Việc thanh toán tiền được thực hiện trên hệ thống tài khoản tiền gửi của ngân hàng thanh toán theo nghĩa vụ thanh toán tiền do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam xác định và ủy quyền của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp cho ngân hàng thanh toán thực hiện thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

6. Việc thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được thực hiện trên hệ thống của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo nguyên tắc chuyển khoản trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ giữa các tài khoản của nhà đầu tư tại thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đồng thời với thanh toán tiền tại ngân hàng thanh toán.

7. Thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở tài khoản có trách nhiệm phân bổ tiền và trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đến tài khoản của nhà đầu tư ngay sau khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất việc thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và ngân hàng thanh toán hoàn tất việc thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, đồng thời thông báo cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam kết quả phân bổ trong thời hạn quy định tại quy chế hướng dẫn hoạt động đăng ký, hủy đăng ký, điều chỉnh thông tin đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

8. Việc thanh toán, đối chiếu, xác nhận kết quả giao dịch, xử lý lỗi sau giao dịch, xử lý giao dịch mất khả năng thanh toán tiền, loại bỏ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định tại Thông tư này và hướng dẫn tại các quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 16. Đối chiếu, xác nhận kết quả giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Sau khi nhận kết quả giao dịch từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam kiểm tra và loại bỏ thanh toán giao dịch trong các trường hợp sau:

a) Giao dịch của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoặc khách hàng của thành viên lưu ký được thực hiện sau khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam đã thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc đình chỉ hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đó;

b) Giao dịch có thông tin mã trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không đúng với thông tin mã trái phiếu đã được đăng ký trên hệ thống của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Giao dịch có số hiệu tài khoản không hợp lệ do số đăng ký thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp hoặc ký tự loại tài khoản giao dịch không tồn tại, có ngày giao dịch khác với ngày làm việc trên hệ thống của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Giao dịch có các thông tin không hợp lệ gồm: không có mã phiên giao dịch, ngày giao dịch khác ngày hiện tại, không có số hiệu lệnh bên mua hoặc bên bán, giá hoặc khối lượng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng không, không có số xác nhận lệnh;

đ) Giao dịch có tổ hợp bốn thông tin mã thị trường, mã bảng giao dịch, mã chứng khoán, số xác nhận lệnh trùng với giao dịch đã nhận trước đó;

e) Giao dịch có thông tin tài khoản nhà đầu tư chưa được thành viên lưu ký đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

g) Giao dịch không có đủ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ để thanh toán.

2. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ còn lại (không bao gồm các giao dịch bị loại bỏ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều này) cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp để đối chiếu và xác nhận kết quả giao dịch và nghĩa vụ thanh toán đồng thời phong tỏa số lượng trái phiếu bán.

3. Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu chi tiết giao dịch với thông tin giao dịch nhận được theo quy định tại khoản 2 Điều này và xác nhận lại với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 17. Xử lý lỗi sau giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Trường hợp thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt nhập sai số hiệu tài khoản của chính mình vào hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện điều chỉnh về đúng số hiệu tài khoản tự doanh của thành viên giao dịch, số hiệu tài khoản của thành viên giao dịch đặc biệt để thực hiện thanh toán giao dịch.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện loại bỏ thanh toán giao dịch do lỗi của thành viên giao dịch, thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

3. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội các giao dịch xử lý lỗi sau giao dịch.

Điều 18. Xử lý trường hợp mất khả năng thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Ngân hàng thanh toán cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp vay tiền thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong trường hợp thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp tạm thời mất khả năng thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên cơ sở thỏa thuận hỗ trợ thanh toán ký kết giữa các bên phù hợp với quy định pháp luật về các tổ chức tín dụng, quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp thỏa thuận hỗ trợ thanh toán nêu tại khoản 1 có quy định sử dụng chứng khoán của thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam sẽ thực hiện phong tỏa, giải tỏa, chuyển chứng khoán theo đề nghị của ngân hàng thanh toán.

Điều 19. Loại bỏ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam loại bỏ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Thông tư này;

b) Giao dịch mà thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp không gửi xác nhận chấp thuận kết quả giao dịch và nghĩa vụ thanh toán, không hoàn tất thanh toán trong thời hạn quy định tại quy chế hướng dẫn hoạt động đăng ký, hủy đăng ký, điều chỉnh thông tin đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Các trường hợp loại bỏ thanh toán theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền xác định trước khi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoàn tất thanh toán.

2. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, các tổ chức liên quan sau khi thực hiện loại bỏ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

3. Bên phát sinh lỗi dẫn tới giao dịch bị loại bỏ thanh toán phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh cho khách hàng hoặc thành viên đối ứng có liên quan do giao dịch không được thanh toán. Mức bồi thường do các bên tự thỏa thuận theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 20. Trách nhiệm giám sát hoạt động đăng ký, lưu ký, giao dịch, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ

1. Thành viên giao dịch, thành viên lưu ký giám sát nhà đầu tư mở tài khoản tuân thủ quy định về tư cách và trách nhiệm của nhà đầu tư khi tham gia hoạt động giao dịch, thanh toán giao dịch và chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, quy định tại Thông tư này và quy chế nghiệp vụ để triển khai công tác giám sát giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, Sở Giao dịch Chứng khoán có văn bản yêu cầu doanh nghiệp phát hành và cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin (nếu cần thiết), xử lý theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

3. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam giám sát theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 41 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP đối với doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký trong việc tuân thủ quy định tại Thông tư này, các quy chế về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu và thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh

ngiệp riêng lẻ, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin (nếu cần thiết), xử lý theo quy chế của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

Chương III

HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN, CHẾ ĐỘ THÔNG BÁO, BÁO CÁO, CƠ CHẾ CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ CHÀO BÁN, GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Điều 21. Hình thức, phương thức công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành

1. Doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu theo tối thiểu một trong các hình thức sau:

- a) Văn bản giấy;
- b) Văn bản điện tử;
- c) Đăng tải trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phát hành.

2. Doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin theo hình thức văn bản điện tử cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để công bố thông tin trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

3. Doanh nghiệp phát hành có nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng thời hạn và hình thức quy định đối với từng nội dung công bố thông tin. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, doanh nghiệp phát hành thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Mục 1

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 22. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán (ngày bắt đầu đợt chào bán trái phiếu) theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

Điều 23. Công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường

1. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Nội dung công bố thông tin định kỳ bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin định kỳ trên Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

- a) Công bố thông tin về tình hình tài chính theo Mẫu số 4.1 - Phụ lục IV;
- b) Công bố thông tin về tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo Mẫu số 4.2 - Phụ lục IV;
- c) Công bố thông tin về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu theo Mẫu số 4.3 - Phụ lục IV;
- d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu theo Mẫu số 4.4 - Phụ lục IV;
- đ) Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu xanh theo Mẫu số 4.5 - Phụ lục IV. Đối với trái phiếu doanh nghiệp xanh, hàng năm doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin theo các Mẫu số 4.1, 4.2, 4.4, 4.5; kèm theo báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo tác động môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

3. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về lãi suất thực tế áp dụng cho kỳ tính lãi trong trường hợp trái phiếu có lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, chậm nhất 01 ngày làm việc trước thời điểm thực hiện trả lãi cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu theo Mẫu số 4.6 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư, bao gồm việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc trái phiếu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu không còn dư nợ cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Mẫu số 4.7 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Nội dung công bố thông tin theo Mẫu số 5.1 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Hình thức công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

Điều 24. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Công bố thông tin về kết quả thực hiện chuyển đổi trái phiếu theo Mẫu số 6.1 - Phụ lục VI;

b) Công bố thông tin về kết quả thực hiện quyền đối với trái phiếu kèm chứng quyền theo Mẫu số 6.2 - Phụ lục VI.

2. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu chậm nhất 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn theo Mẫu số 6.3 - Phụ lục VI;

b) Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chậm nhất 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn theo Mẫu số 6.4 - Phụ lục VI;

c) Công bố thông tin trước đợt hoán đổi trái phiếu cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu chậm nhất 10 ngày trước ngày hoán đổi trái phiếu theo Mẫu số 6.5 - Phụ lục VI;

d) Công bố thông tin về kết quả hoán đổi trái phiếu đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chậm nhất 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc hoán đổi trái phiếu theo Mẫu số 6.6 - Phụ lục VI.

3. Hình thức công bố thông tin:

a) Đối với công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn và trước đợt hoán đổi trái phiếu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này;

b) Đối với công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của trái phiếu kèm chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

Mục 2

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Điều 25. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở Giao dịch Chứng khoán tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế (ngày bắt đầu đợt chào bán trái phiếu) theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hình thức công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

Điều 26. Công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường

1. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin định kỳ và công bố thông tin bất thường đến Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP và bao gồm các nội dung sau:

a) Công bố thông tin định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin định kỳ gồm các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin trên Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp theo Mẫu số 4.1, 4.2, 4.3 và 4.4 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Công bố thông tin về việc hoàn tất chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu (nếu có) theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo Mẫu số 6.1, 6.2, 6.4 và 6.6 - Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Công bố thông tin về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư, bao gồm việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc trái phiếu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu không còn dư nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo Mẫu số 4.7 - Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 37 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo Mẫu số 5.2 - Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này.

Mục 3

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN HỒ SƠ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC ĐẦU THẦU, BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ TRÁI PHIẾU, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN VÀ

TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 27. Báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu

1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu gửi báo cáo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ hàng quý và hàng năm về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý;
- b) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nơi nhận và hình thức gửi báo cáo: Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu gửi báo cáo bằng tệp dữ liệu điện tử qua hệ thống thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 28. Báo cáo của đại diện người sở hữu trái phiếu

1. Đại diện người sở hữu trái phiếu gửi báo cáo đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội định kỳ hàng quý, hàng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý;
- b) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo định kỳ theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp phát hành có hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện các cam kết với nhà đầu tư, đại diện người sở hữu trái phiếu gửi báo cáo đột xuất đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm.

5. Nơi nhận và hình thức gửi báo cáo: Đại diện người sở hữu trái phiếu gửi báo cáo bằng văn bản điện tử cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 29. Báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu

1. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu gửi báo cáo đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội định kỳ hàng quý và hàng năm về tình hình cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số

200/2026/NĐ-CP.

2. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý;
- b) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nơi nhận và hình thức gửi báo cáo: Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu gửi báo cáo bằng văn bản điện tử cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

Điều 30. Báo cáo định kỳ của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp gồm chào bán tại thị trường trong nước và chào bán ra thị trường quốc tế đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Đối với báo cáo quý, chậm nhất là ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý liền sau. Riêng đối với báo cáo cuối quý 2, thời hạn báo cáo chậm nhất là ngày 20 tháng 9 của năm báo cáo;

b) Đối với báo cáo năm, chậm nhất là ngày 29 tháng 4 năm sau.

3. Nội dung báo cáo bao gồm:

a) Báo cáo về tình hình chào bán và giao dịch trái phiếu tại thị trường trong nước, tình hình chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế trong kỳ (lũy kế từ ngày 01 tháng 01 đến ngày kết thúc quý hoặc năm đó). Riêng đối với báo cáo cuối quý 2 và báo cáo năm, bổ sung nội dung về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành. Nội dung báo cáo theo các biểu mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đánh giá, nhận xét về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ và lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo, bao gồm: tình hình chào bán trái phiếu doanh nghiệp; việc tuân thủ chế độ công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; việc tuân thủ chế độ báo cáo của các tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu; tình hình giao dịch trái phiếu; tình hình thực hiện thanh toán lãi, gốc trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi, thực hiện quyền, mua lại trái phiếu trước hạn và hoán đổi trái phiếu;

c) Báo cáo về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu, cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu, việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các tổ chức đăng ký, lưu ký (bao gồm Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) theo quy định tại Điều 32 Thông tư này. Việc báo cáo thực hiện cho đến thời điểm các tổ chức đăng ký, lưu ký (bao gồm Tổng công ty

Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) không còn nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 32 Thông tư này.

4. Nơi nhận và hình thức báo cáo: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội gửi báo cáo bằng văn bản điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (địa chỉ hòm thư: traiphieuriengle.hnx@ssc.gov.vn).

Điều 31. Báo cáo định kỳ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

1. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về tình hình đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, cơ cấu nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 39 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm và bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý liền sau đối với báo cáo quý;
- b) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo định kỳ theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nơi nhận và hình thức báo cáo: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam gửi báo cáo bằng văn bản điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (địa chỉ hòm thư: traiphieuriengle.vsdcc@ssc.gov.vn).

Điều 32. Báo cáo của tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu

1. Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu gửi báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về tình hình đăng ký, lưu ký trái phiếu, tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu, cơ cấu nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu, việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với trái phiếu đang được đăng ký, lưu ký tại tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu cho đến thời điểm các trái phiếu này không còn đăng ký, lưu ký tại tổ chức đăng ký, lưu ký.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau đối với báo cáo quý;
- b) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Nội dung báo cáo định kỳ (lũy kế từ ngày 01 tháng 01 đến ngày kết thúc quý/năm) theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nơi nhận và hình thức báo cáo: Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu gửi báo cáo bằng văn bản điện tử cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp.

5. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này đối với các trái phiếu đã

phát hành trước khi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và đang được đăng ký, lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bảo chứng khoán Việt Nam cho đến khi các trái phiếu này không còn dư nợ.

Điều 33. Báo cáo của ngân hàng thanh toán

1. Ngân hàng thanh toán thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm về hoạt động thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kỳ báo cáo bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu quý đến ngày cuối của tháng cuối quý đó đối với kỳ báo cáo quý; từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 đối với kỳ báo cáo năm. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo quý gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 20 ngày đầu của tháng đầu tiên trong quý tiếp theo;

b) Báo cáo năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 90 ngày đầu của năm tiếp theo.

3. Ngân hàng thanh toán gửi báo cáo bất thường bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ khi không đáp ứng một trong những điều kiện làm ngân hàng thanh toán; gửi báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty Lưu ký và Bảo chứng khoán Việt Nam ngay lập tức khi hoạt động thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bị tê liệt một phần hay toàn bộ.

4. Ngoài các trường hợp báo cáo định kỳ và bất thường quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, trong trường hợp cần thiết, ngân hàng thanh toán phải báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử về hoạt động thanh toán tiền giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

5. Nơi nhận và hình thức báo cáo theo văn bản điện tử: Ngân hàng thanh toán gửi báo cáo bằng văn bản điện tử đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (địa chỉ hòm thư: traiphieuriengle.nhtt@ssc.gov.vn).

Mục 4

THÔNG BÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Điều 34. Thông báo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện gửi thông báo định kỳ hàng năm cho Bộ Tài chính về kết quả theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có trụ sở chính đặt tại địa phương để tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 44 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP, cụ thể:

a) Kỳ thông báo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Thời hạn gửi thông báo chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm sau.

b) Nội dung thông báo định kỳ theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông tin khi có phát sinh về kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có trụ sở chính đặt tại địa phương cho Bộ Tài chính để tổng hợp, đánh giá chung tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp báo cáo Chính phủ.

3. Nơi nhận và hình thức gửi thông báo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông báo bằng văn bản điện tử cho Bộ Tài chính thông qua tài khoản tại Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp.

Mục 5

CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TỪ CHUYÊN TRANG THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP CHO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Điều 35. Trách nhiệm chia sẻ, tiếp nhận thông tin, dữ liệu trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chia sẻ thông tin, dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 40 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận thông tin, dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đặt trụ sở chính tại địa phương, được chia sẻ từ Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 44 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận thông tin, dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được chia sẻ từ Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

Điều 36. Cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu từ Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đăng ký tài khoản tiếp nhận thông tin dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ Chuyên trang thông tin trái phiếu doanh nghiệp của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo mẫu tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chia sẻ thông tin, dữ liệu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban Chứng khoán Nhà nước qua tài khoản tại Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, bao gồm:

a) Thông tin cơ bản về đợt chào bán (bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành; lĩnh vực hoạt động; vốn điều lệ; mã trái phiếu; số lượng dự kiến phát hành; giá trị dự kiến phát hành; kỳ hạn; đối tượng chào bán của từng mã trái phiếu; loại hình trái phiếu; lãi suất trái phiếu; Tổ chức tư vấn; Đại lý phát hành; Tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu; Tổ chức quản lý tài sản đảm bảo; Kết quả xếp hạng tín nhiệm (nếu có)) và Thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo mẫu tại Phụ lục XV ban hành kèm Thông tư này;

b) Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành về tình hình tài chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 23 Thông tư này;

c) Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Thông tư này;

d) Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành về tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu; về tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 23 Thông tư này;

đ) Công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Thông tư này;

e) Báo cáo của đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Thông tư này.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 40 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 và thay thế cho Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2023 và Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2024.

2. Đối với các doanh nghiệp phát hành đã thay đổi thông tin điều kiện, điều khoản trái phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 5, các khoản 5 và khoản 6 Điều 50 Nghị định số 200/2026/NĐ-CP dẫn đến giảm số lượng trái phiếu đăng ký nhưng chưa thực hiện điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp phát hành phải thực hiện điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Kể từ thời điểm chính thức triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm, các hoạt động nhận, đối chiếu, thông báo kết quả giao dịch trái phiếu

doanh nghiệp riêng lẻ, xử lý lỗi sau giao dịch, loại bỏ thanh toán giao dịch, xác định và thông báo nghĩa vụ thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại Thông tư này do Công ty Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện trên cơ sở phân công của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, các doanh nghiệp phát hành, tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. ✓

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử UBCKNN;
- Lưu: VT, UBCK (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi